

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HSST

Ngày: 29/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Vũ Thị Thúy và bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Ông: Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2020/TLST – HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST ngày 16 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo :

1. Nguyễn Duy T1, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1991

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Duy H (đã chết) con bà Vũ Thị Th, sinh năm 1971, có vợ là Tô Thị L, sinh năm 1996, có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017 đều cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự; tiền sự: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 10/12, sau đó nghỉ học ở nhà lao động tại địa phương. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/7/2020 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt)

2. Đoàn Duy T2, sinh ngày 28 tháng 9 năm 1999

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đoàn Duy T3, sinh năm 1972 con bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1969 đều cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình, chưa có vợ, con.

Tiền sự; tiền sự: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó nghỉ học ở nhà lao động tại địa phương. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/7/2020 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

3. Bùi Đức Đ1, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1966

Nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Đức Đ2, con bà Nguyễn Thị G (đều đã chết), có vợ là Nguyễn Thị T4, sinh năm 1971. hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình, có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994 đều cư trú tại: thôn B, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Tiền án: 01. Tại bản án số 13 ngày 26/02/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đến ngày 13/12/2019 chấp hành xong hình phạt về địa phương.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 6/10. Năm 1983 bị UBND tỉnh Thái Bình ra quyết định đưa vào trung tâm giáo dục cải tạo thời hạn 03 năm vì có hành vi trộm cắp tài sản. Tại Bản án hình sự số 26 ngày 15/8/2002 bị tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử 01 năm tù về tội Hủy hoại tài sản. Tại Bản án hình sự số 97 ngày 20/9/2012 bị tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử 08 tháng tù về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/7/2020 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

- Bị hại

Chị: Lê Thị L, sinh năm 1968

(Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị: Vũ Thị T5, sinh năm 1971.

(Có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Chi: Đoàn Thị B, sinh năm 1994.

(Có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/7/2020, Bùi Đức Đ1 có sang nhà Nguyễn Duy T1 chơi thì có gặp Đoàn Duy T2, trong lúc ngồi chơi, Đ1 nói với T1 là xem ở đâu có lợn thì bắt trộm mang về bán cho Đ1 một con để Đ1 nuôi. Khi nghe Đ1 nói vậy thì T1 đồng ý. Đến 19 giờ ngày 12/7/2020, T2 sang nhà T1 chơi, T1 có nói với T2 là tối đi trộm cắp tài sản, T2 đồng ý và ngủ luôn tại nhà T1. Đến khoảng 02 giờ ngày 13/7/2020, T1 gọi T2 dậy và lấy xe mô tô của T1 chở T2 đi từ xã H sang xã Q xem có nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Cả hai đi lòng vòng trên đường, khi đến khu vực khu chăn nuôi của gia đình chị Lê Thị L ở thôn V, xã Q, T1 bảo T2 đứng canh coi, cảnh giới, T1 mở cổng vào khu vực chồng lợn nhà chị L phát hiện thấy có 02 con lợn nặng khoảng 18 đến 20 kg, T1 liền dùng tay ôm con lợn phía bên ngoài rồi chạy ra xe T2 đang đứng chờ theo hướng cũ đi về, T1 gọi điện cho Đ1 nói "Cháu có bắt được con lợn chú có lấy không cháu mang đến", Đ1 bảo có lấy. T1 bỏ con lợn vào bao tải nhặt được ở ven đường, T2 điều khiển xe mô tô, T1 ngồi sau ôm lợn đến nhà Đ1. Khi được Đ1 ra mở cửa, T1 ôm lợn thả vào chuồng chó nhà Đ1 rồi cùng T1 về nhà ngủ. Con lợn trên T1 bán cho Đ với giá 1.00.000 đồng, T1 và T2 chia nhau mỗi người được 500.000 đồng và tiêu sài vào mục đích cá nhân. Con lợn mua được của T1 đến sáng ngày 14/7/2020, Đ1 thả ra vườn thì bị chó cắn nên Đ1 đã mổ thịt ăn.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/BB-ĐG ngày 16/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện Thái Thụy kết luận: 01 con lợn cỏ cõi nặng khoảng 18 kg có trị giá 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 83/CT- VKSTT ngày 14 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Duy T1, Đoàn Duy T2, Bùi Đức Đ1 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã xác định. Lời khai của các bị cáo phù hợp

với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường; Biên bản tạm giữ đồ vật; Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Th (là mẹ bị cáo T1) trình bày: Bị cáo T1 có tác động đến gia đình, bà đã cùng gia đình bị cáo T2 tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho tất cả các bị cáo với số tiền là 3.000.000 đồng cho bị hại là bà Lê Thị L. Bà không yêu cầu các bị cáo phải lại cho bà số tiền trên. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter mà cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo T1, đây là chiếc xe bà đã mua trả góp tại cửa hàng xe máy Tương Lan có địa chỉ tại khu 2, thị trấn Diêm Điền, hiện tại vẫn còn nợ cửa hàng xe máy 11.000.000 đồng, bà mua chiếc xe này làm phương tiện để cả gia đình đi lại, hiện nay gia đình rất khó khăn, không có phương tiện đi lại, bà không biết bị cáo T1 dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, bà đề nghị xin lại chiếc xe máy trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thị B (là chị gái bị cáo T2) trình bày: Bị cáo T2 có tác động đến gia đình, chị đã cùng gia đình bị cáo T1 tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho tất cả các bị cáo với số tiền là 3.000.000 đồng cho bị hại là bà Lê Thị L, chị không yêu cầu các bị cáo phải lại cho chị số tiền trên.

Luận tội của Kiểm sát viên: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố với bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo T1, T2, Đ1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50 điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1, T2.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50 điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T1 từ 06 đến 09 tháng tù, xử phạt bị cáo Đoàn Duy T2 từ 06 đến 09 tháng tù, xử phạt bị cáo Bùi Đức Đ1 từ 09 tháng đến 01 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do bị cáo không có thu nhập và tài sản riêng. Trả lại cho bà Vũ Thị Th chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter không đeo biển kiểm soát.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, việc đưa bị cáo ra xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về các vấn đề khác.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị hại được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án

[3]. Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn đề nghị và lời khai của người bị hại; Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án

[4]. Như vậy đủ căn cứ để xác định: Do có hứa hẹn trước về việc trộm cắp lợn mang về nuôi, nên khoảng 02 giờ ngày 13/7/2020, Nguyễn Duy T1 rủ Đoàn Duy T2 vào khu vực chăn nuôi của gia đình bà Lê Thị L ở thôn V, xã Q, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình trộm cắp 01 con lợn nặng khoảng 18 kg, mang về bán cho Bùi Đức Đ1 với giá 1.000.000 đồng, Thân và Trung chia nhau mỗi người 500.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Các bị cáo là người đã trưởng thành, biết rõ quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội đó của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[5]. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không bàn bạc và phân công vai trò cụ thể, bị cáo Thân là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nên giữ vai trò cao nhất, bị cáo Trung giữ vai trò giúp sức, bị cáo Độ tuy không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhưng có hứa hẹn trước với các bị cáo về việc tiêu thụ tài sản trộm cắp nên cùng đồng phạm về tội Trộm cắp tài sản.

[6]. Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần thiết phải quyết định một hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo Thân và bị cáo Trung không bị tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo Đ1 bị một tình tiết tăng nặng là Tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[8]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn nên cả 3 bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo T1 và T2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật. Các bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[9].Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại là chị Lê Thị L số tiền 3.000.000 đồng, chị L đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[10].Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã quản lý của bị cáo Nguyễn Duy T1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter, không mang biển kiểm soát. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định chiếc xe mô tô trên là do bà Vũ Thị Th (là mẹ bị cáo T1) mua trả góp tại cửa hàng xe máy Tương Lan có địa chỉ tại khu 2, thị trấn Diêm Điền, hiện tại vẫn còn nợ cửa hàng xe máy 11.000.000 đồng, bà mua trả góp chiếc xe này làm phương tiện để cả gia đình đi lại nhưng để cho bị cáo T1 đứng tên đăng ký xe, hiện nay gia đình rất khó khăn, không có phương tiện đi lại, bà không biết bị cáo T1 dùng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, bà đề nghị xin lại chiếc xe máy trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà Th là có căn cứ nên cần tuyên trả lại chiếc xe máy trên cho bà Th.

[11].Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy T1, Đoàn Duy T2 và Bùi Đức Đ1 phạm tội "Trộm cắp tài sản"

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T1 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 7 năm 2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Đoàn Duy T2 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 7 năm 2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Bùi Đức Đ 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 7 năm 2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại là chị Lê Thị L số tiền 3.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả lại cho bà Vũ Thị Th chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter, không mang biển kiểm soát. (Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữ cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày 16/9/2020)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Duy T1, Đoàn Duy T2, Bùi Đức Đ1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND huyện Thái Thụy
- Chi cục THA huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh TB
- Nhà tạm giữ CA huyện Thái Thụy
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương